

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRĂNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19 – 5 – 2023

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRĂNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Phạm Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lại Văn Phê;

Ông Nguyễn Văn Quốc.

- **Thư ký phiên toà:** bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:** bà Lê Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà **T. T. L**, sinh năm 1958; địa chỉ: khu phố H.P, phường A, thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** ông **H. V. H**, sinh năm 1960; địa chỉ: khu phố H.P, phường A, thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà T. T. L trình bày:

Bà và ông H. V. H chung sống với nhau từ năm 1989, trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 10 năm trở lại đây ông H thay đổi tính tình, có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Hiện tại, bà và ông H vẫn sống chung một nhà nhưng vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: bà và ông H có 01 người con chung tên H. Q. V, sinh năm 1991. Con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên bà L không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: bà L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: bà L trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 4 năm 2023, bị đơn – ông H. V. H trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà L về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn và con chung là đúng. Thời gian đầu, ông và bà L chung sống bình thường, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, thời gian gần đây bà L hay nghi ngờ, ghen tuông, cho rằng ông ngoại tình nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Khoảng 04 năm nay ông và bà L sống riêng, sinh hoạt riêng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc hay lo lắng cho nhau. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: con chung tên H. Q. V, sinh năm 1991 đã thành niên, có khả năng tự lao động để sinh sống nên ông không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 17/4/2023, Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xác nhận: từ năm 1989 cho đến nay, bà T. T. L, sinh năm 1958, địa chỉ: khu phố H.P, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh không có đăng ký kết hôn với ông H. V. H, sinh năm 1960, địa chỉ: khu phố H.P, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T. T. L và ông H. V. H; về con chung, tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết; về án phí: bà L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn bà T. T. L và ông H. V. H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt

bà L, ông H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà T. T. L và ông H. V. H chung sống như vợ chồng từ năm 1989, do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thể hiện, từ năm 1989 cho đến nay, bà L và ông H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A. Như vậy, việc bà L và ông H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T. T. L và ông H. V. H.

[3] Về con chung: ông, bà chung sống có 01 người con chung tên H. Q. V, sinh năm 1991. Xét thấy, anh V đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: bà L, ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: bà L, ông H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T. T. L và ông H. V. H.

2. Về con chung: con chung tên H. Q. V, sinh năm 1991 đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: bà L, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: bà L, ông H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: bà L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: bà L, ông H được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Yến